

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VỊ THỦY
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/DS-ST
Ngày 25/4/2022
V/v tranh chấp BTTH ngoài
hợp đồng về tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Quách Thị Mỹ Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đông Hà
2. Bà Nguyễn Thị Tua

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Trung Toàn – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Mỹ Phương – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 và 25/01/2021, tại trụ sở TAND huyện Vị Thủy mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2021/TLST – DS ngày 30/3/2020 về tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2022/QĐXXST-DS, ngày 05/4/2022 và giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1953; địa chỉ: Ấp V, xã Vĩnh T, huyện Vị Th, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Phạm Thu C (Phạm Kim O), sinh năm 1970; địa chỉ: Ấp V, xã Vĩnh T, huyện Vị Th, tỉnh Hậu Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chị Nguyễn Hà T, sinh năm 1986; địa chỉ: Ấp Vĩnh P, xã Vĩnh T, huyện Vị Th, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

3.2. Ông Lê Văn T1, sinh năm 1968; địa chỉ: Ấp V, xã Vĩnh T, huyện Vị Th, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn ông Nguyễn Văn D trình bày:

Giữa gia đình ông và gia đình bà Nguyễn Thị N (mẹ của bị đơn) có phát sinh tranh chấp từ nhiều năm qua, hiện tại vẫn đang tranh chấp quyền sử dụng đất tại Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy.

Vào ngày 01/3/2020, không biết vì nguyên nhân gì, bà Nguyễn Thị N đứng trước nhà ông chửi bới, nhục mạ cả gia đình ông. Tiếp theo, gia đình bà N bao gồm: bà N, ông Trà con rể bà N, bà Thu C, Diễm T2 cháu ngoại bà N, P cháu ngoại bà N tiếp tục đến trước nhà ông, liên tục chửi bới, đòi chém chết gia đình ông, trong đó có sự việc chặt 153 cây mía của ông. Trước sự hung hăng của gia đình bà N, con gái ông Nguyễn Hà T có gọi điện cho Công an xã V nhưng không ai nghe máy. Sau khi phía gia đình bà N kéo về nhà thì con gái ông mới đi lên Công an xã V báo sự việc nhưng không được giải quyết nên trình báo Công an huyện Vị Th.

Căn cứ vào kết quả giải quyết của Cơ quan điều tra công an huyện Vị Th, thông báo kết luận giám định thiệt hại nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Thu C (Phạm Kim O) bồi thường thiệt hại tài sản là 153 cây mía đang trưởng thành tổng giá trị tài sản là 1.683.000 đồng (một triệu sáu trăm tám mươi ba nghìn đồng).

Tại biên bản ghi lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Phạm Thu C trình bày: Giữa gia đình bà và gia đình ông Nguyễn Văn D có phát sinh tranh chấp từ nhiều năm qua, hiện tại vẫn đang tranh chấp quyền sử dụng đất tại Tòa án nhân dân huyện Vị Th, vụ án đang được xem xét giải quyết theo thủ tục sơ thẩm. Tuy nhiên, vào tháng 10/2019 đến tháng 02/2020, ông D tự ý đốn toàn bộ cây bình bát mà gia đình bà đã trồng trên phần đất của gia đình bà, sự việc này bà có trình báo đến chính quyền địa phương nhưng ông D cố tình vắng mặt không tham dự hòa giải.

Đến ngày 01/3/2020, ông D tiếp tục thuê xáng cạp tháo dỡ toàn bộ ống bọng dẫn nước vào ruộng của bà gây vỡ ống không thể sử dụng được nữa.

Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà không đồng ý bồi thường, chỉ thừa nhận có đốn 10 cây mía của ông D vì bức xúc sự việc ông D đốn bình bát và không tham gia hòa giải mà thuê xáng cạp tháo dỡ toàn bộ ống bọng dẫn nước của bà nên chỉ đồng ý bồi thường 20.000 đồng (hai mươi nghìn đồng). Bà có yêu cầu phản tố. yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn D bồi thường thiệt hại tài sản là $20m^3$ cây bình bát đã đốn $\times 100.000đ/1m^3 =$

2.000.000đ, 01 ống bong đường kính 26cm, dài 5m = 650.000đ, tổng giá trị tài sản là 2.650.000 đồng (sáu triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Tại biên bản ghi lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Hà T trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của ông Nguyễn Văn D.

Tại biên bản ghi lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T1 trình bày: Ông không có chặt mía của ông D, không có liên quan gì trong việc tranh chấp bồi thường giữa ông D và bà C.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông D đã nộp bản sao chứng minh nhân dân, bản tự khai, bản sao sổ hộ khẩu, bản phô tô thông báo kết luận giám định, bản phô tô thông báo trả lời đơn tố giác của Công an huyện Vị Th. Bị đơn nộp bản sao chứng minh nhân dân. Tòa án đã thu thập được hồ sơ giải quyết tin báo vụ việc hủy hoại tài sản giữa ông D và bà C.

Tại phiên tòa, ông D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đối với bị đơn bà Phạm Thu C trong phần bắt đầu thủ tục hỏi bà C không thống nhất bồi thường theo yêu cầu của ông D tuy nhiên bà rút lại yêu cầu phản tố do có liên quan đến vụ án tranh chấp đất đai do Tòa án đang thụ lý, bà sẽ yêu cầu giải quyết sau. Tuy nhiên khi Hội đồng xét xử tuyên bố kết thúc phần tranh luận đi vào nghị án thì bà C không đồng ý rút lại yêu cầu phản tố, bà yêu cầu tiếp tục giải quyết cho bà.

Kiểm sát viên phát biểu về việc thụ lý giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử, cũng như ý thức chấp hành pháp luật của các bên đương sự là đúng pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn, về án phí các đương sự bị đơn phải chịu theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng có yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn D yêu cầu bà Phạm Thu C bồi thường thiệt hại về tài sản nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vị

Thủy theo quy định tại Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung khởi kiện: Xét thấy ông Nguyễn Văn D khởi kiện cho rằng do do bà Phạm Thu C chặt mía của ông gây thiệt hại 153 cây mía với số tiền là 1.683.000 đ. Trong quá trình giải quyết vụ án bà Phạm Thu C chỉ thừa nhận có chặt của ông Nguyễn Văn D 10 cây mía do bà bức xúc việc ông D làm bể ống bông và đốn cây do bà trồng.

Theo hồ sơ giải quyết vụ việc hủy hoại tài sản xác định được, bà Phạm Thu C có chặt của ông Nguyễn văn D 153 cây mía, kết luận giám định số tiền thiệt hại là 1.683.000 đ. Bên cạnh đó, bà Phạm Thu C cũng thừa nhận chỉ một mình bà chặt mía của ông D, ngoài ra không có ai khác. Tại biên bản ghi lời khai của Công an huyện Vị Thủy bà trình bày có chặt mía nhưng không biết bao nhiêu cây. Kết quả giải quyết tin báo của Công an huyện ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Phạm Thu C. Bà C không thống nhất nhưng không có ý kiến gì đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Công an huyện Vị Thủy nên Quyết định xử phạt vẫn có hiệu lực pháp luật. Như vậy việc ông Nguyễn Văn D khởi kiện là có cơ sở chấp nhận, bà C cho rằng chỉ chặt 10 cây mía là không có cơ sở.

Đối với yêu cầu phản tố của bà Phạm Thu C, Hội đồng xét xử xét thấy phần cây trồng và ống bông mà bà C cho rằng bị thiệt do ông D chặt cây và phá ống bông nằm trên phần đất đang tranh chấp giữa ông Nguyễn Văn D và bà Phạm Thị N là mẹ ruột của bà C, bà C là người đại diện theo ủy quyền của bà N và cũng là người trực tiếp canh tác phần đất. Hiện vụ án đang được Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy thụ lý và trong quá trình giải quyết. Do yêu cầu của phản tố của bà C có liên quan trực tiếp trong vụ án tranh chấp đất đai nên Hội đồng xét xử không đủ cơ sở để xem xét giải quyết trong vụ án này. Tại phiên tòa bà C rút lại yêu cầu phản tố để khởi kiện sau là phù hợp. Tuy nhiên khi Hội đồng xét xử kết thúc phần tranh luận tuyên bố vào nghị án và thông báo thời gian tuyên án thì bà C không đồng ý rút lại yêu cầu phản tố. Do việc bà C thay đổi việc khi phiên tòa đã kết thúc phần tranh luận là không phù hợp và không có cơ sở xem xét. Để đảm bảo quyền lợi cho Bà C và đảm bảo việc yêu cầu được thực hiện đúng quy định Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu phản tố của bà C, bà C có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết thành vụ kiện khác theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ông D thống nhất với kết quả định giá như Công an huyện đã định giá và yêu cầu bồi thường số tiền 1.683.000 đ. Bà Phạm Thu C thừa nhận chỉ chặt 10 cây mía nên chỉ thống nhất bồi thường 10 cây mía, bà thống

nhất giá trị mỗi cây mía là 11.000 đ, tuy nhiên không thừa nhận chặt 153 cây như kết quả giải quyết của Công an huyện. Xét thấy các đương sự không thống nhất về số lượng cây mía bị chặt, tuy nhiên không ai có yêu cầu gì về việc định giá lại. Trên cơ sở thống nhất giá trị 11.000 đ/cây mía theo kết quả trưng cầu giám định của Công an huyện Vị Th. Hội đồng xét xử căn cứ vào sự thống nhất của các đương sự về giá trị mỗi cây mía để làm cơ sở giải quyết.

[4]. Về án phí: áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016. Bị đơn phải chịu án phí tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận. Nguyên đơn được nhận lại tạm ứng án phí đối với yêu cầu được chấp nhận. Bị đơn được nhận lại án phí đối với yêu cầu phản tố. Tuy nhiên Hội đồng xét xử xem xét chuyển tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu phản tố mà bị đơn đã nộp sang tiền án phí, bà C không phải nộp thêm án phí.

Các đương sự còn được kháng cáo theo luật định;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 5, 6, 26, 35, 39, 91, 147, 273, Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự 2015

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D buộc bà Phạm Thu C có nghĩa vụ bồi thường cho ông D số tiền 1.683.000 đ (Một triệu sáu trăm tám mươi ba ngàn đồng).

Đình chỉ yêu cầu phản tố của bà Phạm Thu C về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn D bồi thường số tiền 2.650.000 đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thu C phải nộp số tiền 300.000 đ đ (Ba trăm ngàn đồng), chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã đóng đối với yêu cầu phản tố theo biên lai thu tiền số 0002543 ngày 02/11/2021 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy thành án phí, bà C không phải nộp thêm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Vị Thủy;
- Chi cục THADS huyện Vị Thủy;
- Các đương sự;
- Công TTĐT Tòa án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Quách Thị Mỹ Trúc